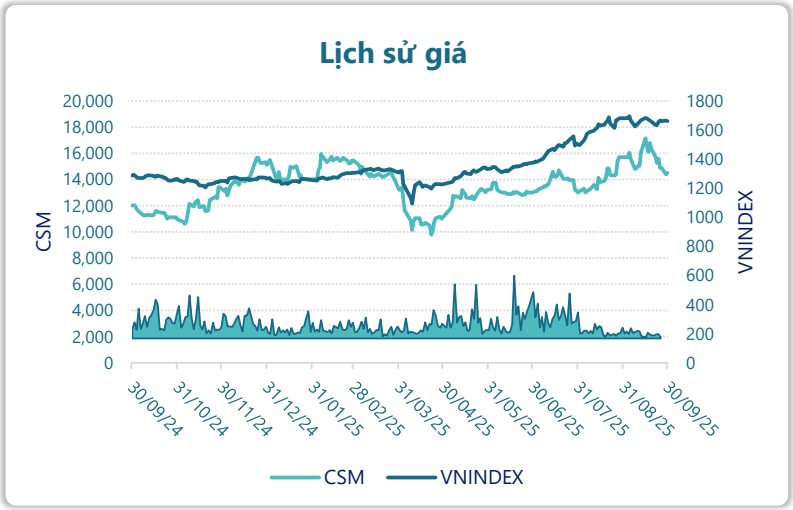
FireAnt

CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam (HSX: CSM)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,786
SL cổ phiếu LH	103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,540,400
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,503
P/E	20.2
EPS	718

DT thuần

Q3/25

1,028

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.0| -7.1%

YoY: ▼79.0| -7.2%

LN sau thuế

Q3/25

26.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.1| 71.6%

YoY: ▲ 3.90| 17.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

9T 2025

3,155

tỷ VNĐ

YoY: ▼365| -10.4%

LN sau thuế

9T 2025

61.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.90| -3.1%

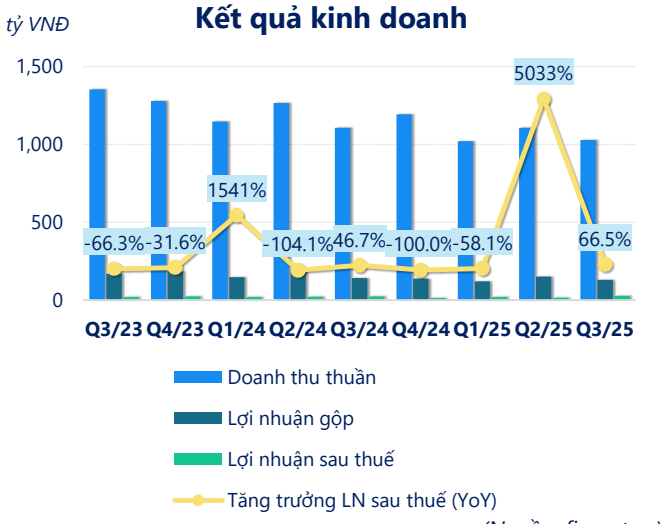
ROE

Q3/25

5.4%

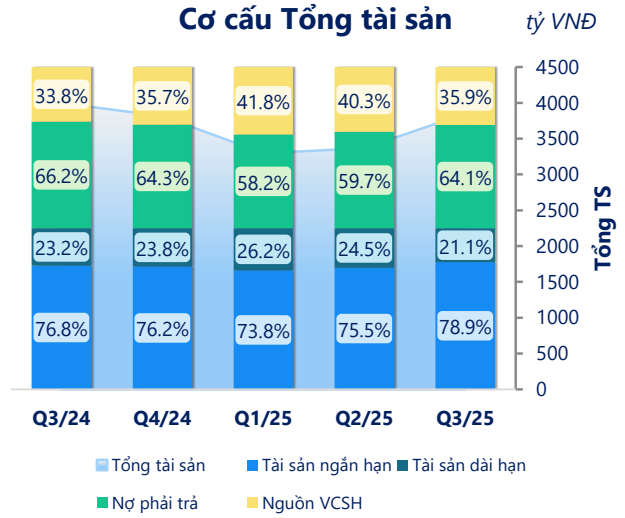
+/- YoY: ▼ 1.1%

Kết quả kinh doanh



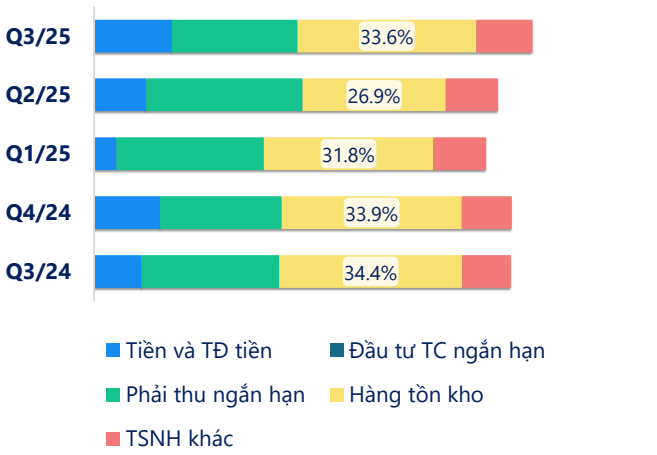
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



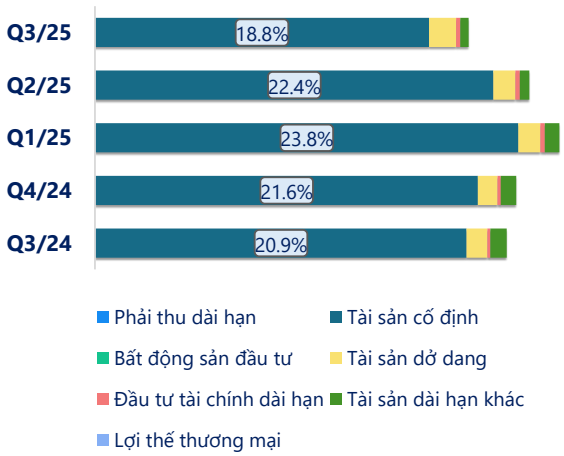
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



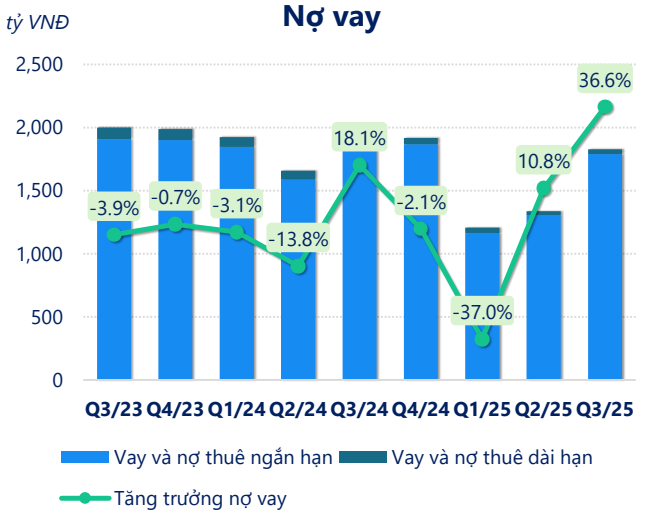
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



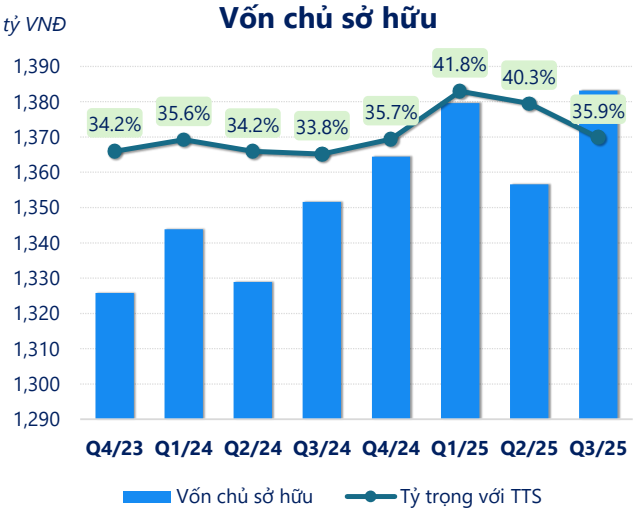
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



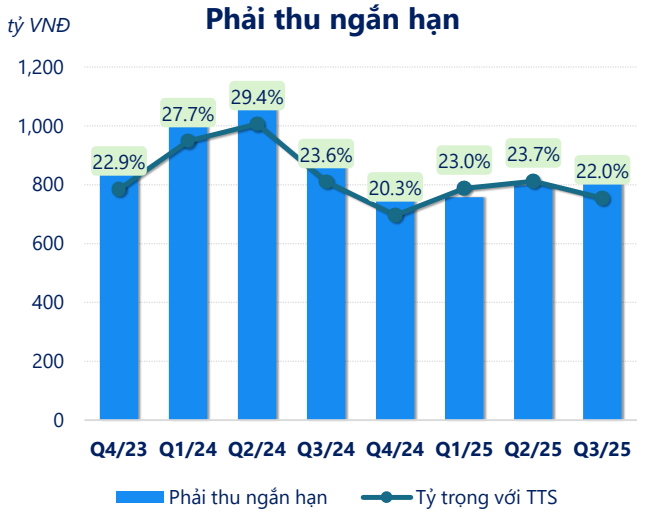
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



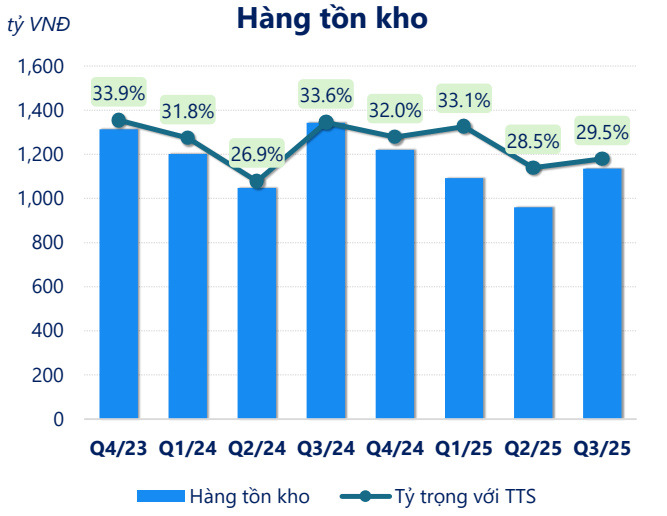
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



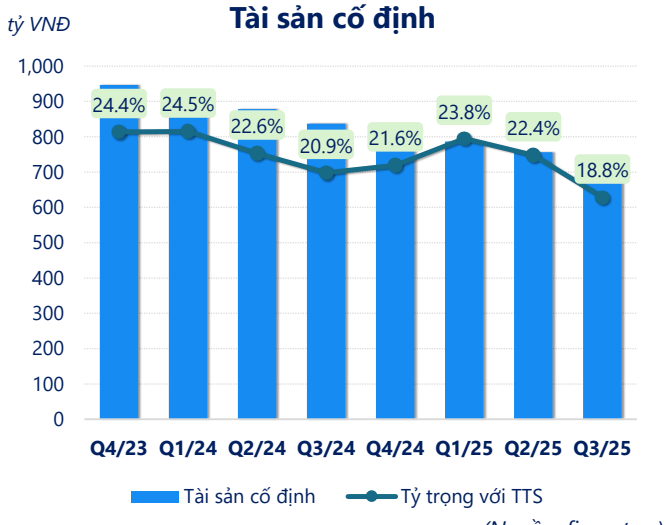
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



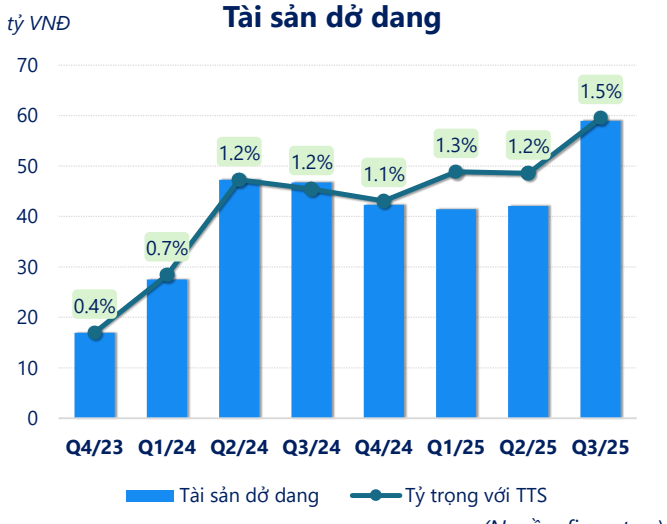
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



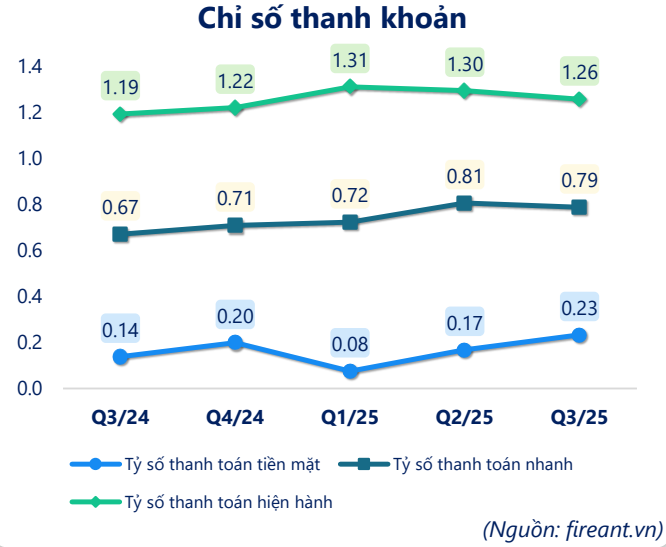
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



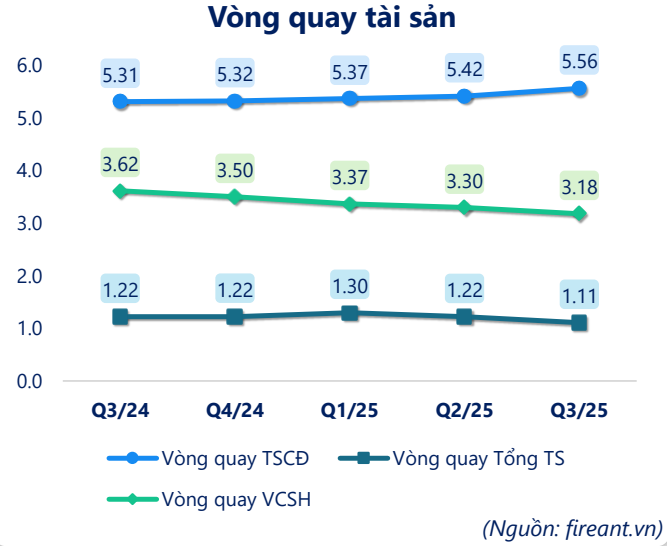
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**3,996**	**3,818**	**3,298**	**3,369**	**3,850**
Tài sản ngắn hạn	**3,068**	**2,910**	**2,433**	**2,543**	**3,039**
Tiền và tương đương tiền	357	473	140	331	564
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	943	775	757	797	847
Hàng tồn kho	1,344	1,220	1,092	960	1,135
Tài sản ngắn hạn khác	424	441	444	455	493
Tài sản dài hạn	**928**	**907**	**864**	**825**	**812**
Phải thu dài hạn	0.99	0.99	0.99	0.99	0.04
Tài sản cố định	837	824	786	756	726
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	46.7	42.3	41.4	42.1	59.0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.99	6.99	8.14	8.69	8.69
Tài sản dài hạn khác	36.5	33.3	27.3	17.7	18.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,644**	**2,453**	**1,918**	**2,012**	**2,467**
Nợ ngắn hạn	**2,571**	**2,383**	**1,856**	**1,964**	**2,418**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,902	1,868	1,163	1,307	1,789
Phải trả người bán ngắn hạn	337	265	452	343	277
Nợ dài hạn	73.4	70.4	62.4	48.5	49.8
Vay và nợ thuê dài hạn	56.5	48.7	44.6	30.7	37.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,352**	**1,364**	**1,380**	**1,357**	**1,383**
Vốn chủ sở hữu	**1,352**	**1,364**	**1,380**	**1,357**	**1,383**
Vốn điều lệ	1,036	1,036	1,036	1,036	1,036
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)